



TUẦN 8 (2016)

- 1. Khổng Tử và những thùng phiếu bầu.
Vì sao “Các giá trị Châu Á” không cản trở dân chủ?**
- 2. Khủng hoảng tiếp theo ở Đông Nam Á?**
- 3. Các nước phương Đông ở đầu thế kỷ XXI:
Những tìm tòi các khái quát lý luận mới**
- 4. Châu Á vẽ lại bản đồ phát triển**
- 5. Trung Quốc có thể làm thay đổi
sự phát triển quốc tế như chúng ta nhận biết về nó không?**
- 6. 30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc**
- 7. Trung Quốc đang biến đổi thế giới**
- 8. Trung Quốc: Siêu cường hay siêu phá sản**
- 9. Người Chăm:
Hậu duệ của những người thống lĩnh Biển Đông thời xưa
Nhìn nhận cuộc tranh chấp hải phận từ ngoại biên**
- 10. Chất lượng cuộc sống: Ấn Độ so với Trung Quốc**

Tổ chức nội dung:
NGUYỄN THÁI BÌNH

Biên tập nội dung:
TS. NGUYỄN THỊ KIM THANH
ThS. NGUYỄN KIM ANH, ThS. LÊ THỊ HƯỜNG, ThS. ĐỖ THỊ QUYÊN,
ThS. NGUYỄN THỊ THẢO, ThS. TRẦN MINH VĂN, ThS. NGUYỄN NHƯ MAI

Thiết kế, trình bày:
NGUYỄN THẠCH NGỌC

KHÔNG TỬ VÀ NHỮNG THÙNG PHIẾU BẦU VÌ SAO “CÁC GIÁ TRỊ CHÂU Á” KHÔNG CẢN TRỞ DÂN CHỦ*

GS. ANDREW NATHAN

Đại học Columbia (New York)

● **Tóm tắt:** Đây là vài nét phân tích và nhận định của giới chuyên môn dựa trên kết quả điều tra xã hội học của các tổ chức nghiên cứu quốc tế về cái gọi là “làn sóng dân chủ hoá lần thứ ba” bắt đầu từ giữa những năm 1980 ở châu Á nhân bình thuật cuốn “Nho giáo và quá trình dân chủ hoá ở Đông Á” của Dow Chui Shin, Cambridge University Press.

Bắt đầu từ giữa những năm 1980, châu Á bị bao trùm bởi cái gọi là “làn sóng dân chủ hoá lần thứ ba”. Nó đã đem lại một nền chính trị đa đảng sống động cho các chế độ độc tài trước đây như Hàn Quốc và Đài Loan. Tuy nhiên, ngày nay, theo đánh giá của Dow Chui Shin, trong số 16 nước Đông Á và Đông Nam Á, số nước là có chế độ dân chủ đang vận hành hiện mới chỉ có 6. Chỉ số này còn thấp hơn tỷ lệ trung bình thế giới tính theo các khu vực - 6/10. Đây là khu vực có các chế độ độc tài vững chắc nhất trên thế giới; trong khi Campuchia, Philippines và Thái Lan hiện vẫn đang lẩn tránh cân xoay xử giữa mớ bòng bong các chính phủ được bầu ra và các chính phủ không do bầu mà có thì thành tích kinh tế và sự ổn định chính trị của Trung Quốc đang khiến cả thế giới phải ghen tỵ mà nghiên cứu mô hình của Bắc Kinh đưa ra. Vậy điều gì đang cản trở dân chủ bén rễ ở châu Á?

Một phần nào đó, lời giải thích nằm trong lĩnh vực văn hoá. Đúng là cuộc thảo luận về văn hoá đôi khi có thể bóp méo chứ không làm rõ được mối liên hệ qua lại giữa các giá trị và chế độ nhà nước. Chính là điều này đã diễn ra trong cuộc tranh cãi kéo dài về khả năng dung hợp của các giá trị châu Á truyền thống và dân chủ. Trong cuốn sách của mình, Shin muốn giải quyết cuộc tranh cãi này bằng cách bóc tách các huyền thoại khỏi sự kiện thực tế tách các giá trị ra khỏi các bằng chứng.

Các giá trị gia đình

Những cuộc tranh luận về các giá trị châu Á được các nhà lãnh đạo Malaysia và Singapore xới lên vào những năm 1990 vì lo ngại rằng việc Chiến tranh Lạnh đã kết thúc và sức ép của Mỹ đối với Trung Quốc về những vấn đề quyền con người và dân chủ nhân sự kiện trên quảng trường Thiên An Môn có cơ sẽ làm cho khu vực này mất ổn định. Năm

* <http://www.globalaffairs.ru> (Nga), ngày 05-9-2012.

1994, khi trả lời phỏng vấn của Fareed Rafiq Zakaria (Văn hóa – đó là số phận), Foreign Affairs, tháng 3/tháng 4, năm 1994) Lý Quang Diệu, lúc đó còn là Thủ tướng Singapore, đã khuyên các nước phương Tây “đừng áp đặt hệ thống của mình cho các xã hội mà nó không phát huy tác dụng”. Ông Lý khẳng định rằng nền dân chủ phương Tây vốn tập trung vào các quyền của cá nhân là cái không thích hợp đối với các nền văn hoá của Đông Á vốn được định hướng vào gia đình. Chỉ vài năm trước đó, trong một phát biểu trước công chúng, ông Lý đã tuyên bố rằng cái đưa lại sự phồn thịnh của các xã hội châu Á không phải là việc áp dụng các mô hình kinh tế, các quy phạm xã hội và các chiến lược quản lý của phương Tây, mà là việc bảo toàn được năm loại hình quan hệ được xem là quan trọng nhất trong Nho giáo: một là tình cha - con (phụ - tử); hai là nghĩa vụ của bậc quân vương với thần dân (quân - thần); ba là nghĩa vợ chồng (phu - thê); bốn là quan hệ trưởng thú (trên dưới, già trẻ); và năm là tín nghĩa (bạn hữu).

Quan điểm của ông Lý Quang Diệu và các quan điểm tương tự được gọi là “giả thuyết về các giá trị châu Á”. Theo giả thuyết này, các giá trị châu Á không chỉ mâu thuẫn với nền dân chủ khai phóng của phương Tây mà còn là nhân tố có ý nghĩa mấu chốt đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế tại các nước châu Á trong những năm 1990. Nhưng giả thuyết này đã không được sự nhất trí ủng hộ thậm chí ngay chính tại khu vực này. Trong một số ra sau đó của tạp chí Foreign Affairs, Kim Dae-jung/Kim Đại Trung, một nhà bất đồng chính kiến người Hàn Quốc sau này đã trở thành tổng thống nước này, đã khẳng định rằng trở ngại cơ bản cho quá trình dân chủ

hoá ở châu Á không phải là cái nền văn hoá, mà theo lời ông là “vốn giàu các học thuyết và truyền thống triết học hướng tới dân chủ”, mà là sự chống trả của các nhà cầm quyền độc tài và những kẻ cố suy cho họ (Văn hoá có phải là số phận không? Huyền thoại về các giá trị phản dân chủ của châu Á, số ra tháng 11/tháng 12 năm 1994). Kim Đại Trung buộc tội Lý Quang Diệu đã đưa ra một quan điểm về văn hoá châu Á không phản ánh đúng thực tế và nhằm mục đích vụ lợi.

Sau đó, cuộc tranh luận này đã trở nên dữ dội hơn. Xuất hiện rất nhiều ý tưởng mơ hồ, mâu thuẫn nhau về việc người châu Á tin vào cái gì. Vì vậy, nhiệm vụ đầu tiên của bất kỳ ai định khai thác các dữ kiện của nghiên cứu là phải xác định xem “các giá trị châu Á” thực ra là những gì.

Không tử sẽ làm gì?

Shin đi tìm giải pháp cho vấn đề trong lịch sử Nho giáo: ông nghiên cứu các văn bi kinh điển, rà soát lại quá trình tiến hoá của học thuyết và soạn lập niên biểu quá trình nó được du nhập từ Trung Quốc sang Nhật Bản, Triều Tiên, Singapore, Đài Loan và Việt Nam, sáu nước mà ông xác định là “châu Á Nho giáo”, đồng thời có xét đến ảnh hưởng lâu bền của dòng triết lý này. Tác giả nêu lên 5 giá trị mà đến hôm nay vẫn là yếu tố tiếp tục hình thành nên nền văn hoá của các xã hội này: Cái chủ nghĩa tập thể phân thành nhiều tầng bậc (tính trung thành với nhóm lãnh tụ);

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

KHỦNG HOẢNG TIẾP THEO Ở ĐÔNG NAM Á?*

TREFORMOSS

Các nền kinh tế tăng trưởng quá nóng trong khu vực không thể tránh khỏi đối mặt với một giai đoạn điều chỉnh - và đối với một số quốc gia, sự điều chỉnh này có vẻ chẳng dễ dàng gì.

Đông Nam Á, lâu nay được biết đến như một ngã rẽ của nền kinh tế thế giới, đã trở thành một con đường mòn cho các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm nơi trú ẩn để tránh khỏi những ảnh hưởng vẫn còn tiếp diễn của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Sở dĩ, họ chọn Đông Nam Á làm điểm đến vì khu vực này tăng trưởng mạnh mẽ trong vài năm qua, ngay cả khi các nền kinh tế phương Tây suy thoái, kinh tế Trung Quốc tái điều chỉnh và Ấn Độ đang chững lại.

Khi sự tin tưởng vào tiềm năng phát triển của Đông Nam Á ngày càng được gia tăng, thành công sẽ nối tiếp thành công: Indonesia đang trên đà trở thành nền kinh tế nghìn tỷ đôla đầu tiên của khu vực, và đã được xếp hạng tín dụng mức khuyến khích đầu tư (investment-grade credit) lần đầu tiên trong vòng 14 năm vào cuối năm 2011, Philippines cũng được xếp hạng tín dụng cấp đầu tư lần đầu tiên vào đầu năm nay; không thể không kể đến sự bùng nổ trong ngành sản xuất ở Malaysia và Thái Lan; và hơn thế nữa là việc Philippines thách thức Ấn Độ trở thành quốc gia cung cấp dịch vụ ngoại biên (offshore services) hàng đầu thế

giới, cùng mức tăng trưởng GDP 8,7% trong quý I năm nay, cao nhất châu Á.

Tuy nhiên, ngay khi mọi thứ dường như đang rất suôn sẻ, những vết rạn bắt đầu xuất hiện trong những nền tảng của sự bùng nổ kinh tế Đông Nam Á. Các nhà kinh tế học cho rằng sự đổ vỡ vẫn có thể tránh được, nhưng số phận nền kinh tế của khu vực này trong vài năm tới sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào các sự kiện tại châu Âu và các khu vực đầy biến động khác của hệ thống kinh tế toàn cầu hơn là phụ thuộc vào quyết định của chính phủ và ngân hàng trung ương của các quốc gia trong khu vực.

Quá nhiều đôi khi không tốt

Tình huống khó xử (The Catch-22) đối với khu vực Đông Nam Á là trong khi sự thành công về kinh tế rất đáng vui mừng thì cũng có quá nhiều nguy hiểm. Khi sự lạc quan của các nhà đầu tư vào nền kinh tế của Đông Nam Á ngày càng tăng, thì vốn nước ngoài - trong khi không còn mấy hứa hẹn ở các khu vực khác trên thế giới - bắt đầu ồ ạt chảy vào khu vực này, Tuy nhiên, quá nhiều đôi khi lại không tốt. Giá bất động sản tăng nhanh và thị trường chứng khoán leo thang; nói khác đi, bong bóng tài sản bắt đầu hình thành. Chẳng hạn, thị trường chứng khoán Philippines tăng tới 20% trong nửa đầu năm nay sau khi tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2012 và trở thành một trong những thị

* <http://thediplomat.com> (Nhật), ngày 24-6-2013.

trường chứng khoán "nóng" nhất hiện nay trên thế giới. Lượng tiền khổng lồ cũng kích thích tiêu dùng nội địa, người dân khu vực Đông Nam Á tiếp cận tín dụng một cách dễ dàng và tích lũy các khoản nợ gia đình.

Trong khi đó, các nền kinh tế Đông Nam Á, dù đạt sự tăng trưởng ấn tượng, đã bắt đầu cho thấy dấu hiệu của sự căng thẳng vì việc khu vực này không thể tiến lên một cách dễ dàng bất chấp các điều kiện khắc nghiệt của kinh tế toàn cầu. Kinh tế phương Tây suy thoái, kinh tế Trung Quốc đang trong giai đoạn tái điều chỉnh và kết quả là xuất khẩu của Đông Nam Á suy giảm; và hệ quả tất yếu là sự yếu kém của thị trường làm suy giảm giá trị hàng hóa bán ra. Ngay cả hoạt động mậu dịch mạnh mẽ giữa các quốc gia phía Nam, từng giúp cách ly các nền kinh tế trong khu vực này khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế phương Tây, giờ cũng bắt đầu âm ảm khi mà Brazil và một số quốc gia đang phát triển lớn khác đang đối mặt với tăng trưởng chậm.

Trong nửa đầu năm 2013, Đông Nam Á bắt đầu lâm vào cơn khủng hoảng. Rajiv Biswas, giám đốc cấp cao và nhà kinh tế chính khu vực châu Á - Thái Bình Dương tại IHS chỉ ra một cách cụ thể rằng, các chương trình nói lỏng tiền tệ (quantitative easing programs) do Cục Dự trữ liên bang Mỹ và Ngân hàng Nhật Bản khởi xướng là "tác nhân gây bất ổn" cho khu vực Đông Nam Á; khi ngân hàng trung ương các nước này bơm thêm tiền ra nền kinh tế, một dòng tiền lớn trong số đó đã chảy vào Đông Nam Á. Vấn đề ở chỗ, các dòng tiền này dễ dàng chảy vào thì cũng dễ dàng đổi hướng khỏi Đông Nam Á - và các nhà đầu tư có thể rất nhanh chóng rút tiền của mình ra một khi niềm tin của họ vào khu vực này nguội lạnh. Điều này sẽ

khiến tiền tệ và thị trường chứng khoán Đông Nam Á lâm vào cảnh khốn cùng.

Tuy nhiên, theo Javant Menon, nhà kinh tế học hàng đầu tại Văn phòng Hội nhập kinh tế khu vực của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thì vẫn còn cơ sở để lạc quan, ông cho rằng, bất chấp những lo ngại về triển vọng kinh tế khu vực trong tương lai gần, các dòng vốn sẽ chưa thể tháo chạy khỏi khu vực này một cách ồ ạt vì hiện nay chưa có môi trường nào hấp dẫn hơn để đầu tư. "Nói một cách tương đối thì mọi việc tỏ ra vẫn tốt ở khu vực này", Menon cho biết, ông cũng bác bỏ những quan ngại cho rằng châu Á đang đứng trước nguy cơ một cuộc khủng hoảng tài chính khác: chính phủ các quốc gia trong khu vực hiện nay đã được tổ chức tốt hơn và có dự trữ ngoại hối để đệm trước nguy cơ sụp đổ tiền tệ, không để thiếu như trong năm 1997.

Tuy nhiên, ông cũng nhận ra rằng có "một làn sóng bất ổn đang len lỏi vào khu vực, và nếu đúng như mọi người lo lắng thì bữa tiệc có thể sớm kết thúc". Nhà đầu tư nước ngoài từng ồ ạt đổ tiền vào khu vực với sự lạc quan mù quáng thì giờ họ nhận ra "những điểm yếu ngày càng tăng, và yếu tố rủi ro đang ngày càng hiện hữu". Đó có thể là "một lời tiên tri tự hình thành" (a self-fulfilling prophecy). Sẽ có một sự điều chỉnh. Câu hỏi duy nhất đặt ra là khi nào và bằng cách nào - liệu các nhà đầu tư sẽ từ từ rút chân ra khỏi khu vực, hay họ sẽ tháo chạy một cách bất ngờ và ồ ạt.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

CÁC NƯỚC PHƯƠNG ĐÔNG Ở ĐẦU THẾ KỶ XXI: NHỮNG TÌM TÒI CÁC KHÁI QUÁT LÝ LUẬN MỚI*

A.P.KOLOHTAEV

Sự phân loại các nước đang phát triển hiện nay dựa trên cơ sở các chỉ số tổng quát về phát triển kinh tế của họ do các cơ quan kinh tế và thống kê của Liên hợp quốc (LHQ) đưa ra được khá nhiều người biết đến. Nếu nói về một số chỉ số chung thì hiện nay đã hình thành một cấu trúc theo cấp bậc nào đấy với nền tảng rộng rãi là các nước phát triển hàng đầu và phát triển nhất của châu Á, số dân sinh sống ở những nước đó chiếm phần lớn số dân của thế giới đang phát triển. Như đã biết, vào đầu thế kỷ XXI, gần 60% dân số của Trái đất sinh sống ở châu Á. Trong đó, số dân sinh sống ở Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á chiếm tuyệt đại đa số số dân sống ở khu vực châu Á. Để so sánh, chúng tôi nêu ra các số liệu như sau: tỷ phần của châu Phi trong dân số thế giới vào thời gian đó là 12%, của Mỹ Latinh - 8,6%. Nếu nói về các chỉ số chung trong thời gian gần đây, thì theo số liệu của UNCTAD (Hội nghị của LHQ về thương mại và phát triển), số lượng dân số của Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á vào năm 2010 chiếm (theo các dự báo) 56,4% tổng dân số của tất cả các nước đang phát triển và chiếm gần 80% dân số của các nước châu Á.

Sự nâng cao đáng kể vị thế kinh tế của các nước này (Ấn Độ, Trung Quốc và các

nước Đông Nam Á) cũng có ý nghĩa quan trọng không kém. Theo các số liệu của UNCTAD, tỷ lệ GDP của nhóm nước này trong tổng GDP của các nước khu vực châu Á là 62,5%. Tuy nhiên, giữa các nước này cũng có sự khác nhau rõ rệt. Trong tổng sản phẩm của Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á, tỷ phần của Trung Quốc là 55,5%, Ấn Độ - 23,7% và các nước Đông Nam Á - 20,8%. Ngoài ra, tốc độ phát triển kinh tế của họ trong những năm qua cũng cao chưa từng có. Chỉ trong giai đoạn 1970-2008, GDP của Ấn Độ đã tăng 7,2 lần, của các nước Đông Nam Á - 8,6 lần, của Trung Quốc - 12 lần. Theo số liệu mới nhất của các cơ quan kinh tế và thống kê của Liên Hợp Quốc, tốc độ tăng tổng sản phẩm trung bình năm của các nước Đông Á (không tính Trung Quốc) trong giai đoạn 2000-2008 là 7,4%, của Trung Quốc - 10%. Trong giai đoạn này, tốc độ tăng GDP trung bình ở các nước Nam Á (không tính Ấn Độ) là 5,3%, của Ấn Độ - 7,2%. Sự gia tăng vị thế kinh tế của nhóm các nước hàng đầu thể hiện đặc biệt rõ nét cả khi so sánh với tốc độ tăng trưởng của các nước phát triển. Chỉ cần nói rằng, nếu như trong năm 1970, tổng GDP của Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á bằng 10% GDP của Liên

* Tạp chí Vostok (Nga), số 2-2011, tr.5-15.

minh châu Âu (EU) thì năm 2008, chỉ số này đã đạt 40% là đủ thấy điều đó. Tiếp sau, cơ cấu chung của thế giới đang phát triển thông qua phạm trù các nước phát triển trung bình (trong đó có các nước khai thác dầu mỏ và các nước hướng vào xuất khẩu) đang chuyển thành nhóm các nước kém phát triển nhất hoặc các nước nghèo nhất. Tính theo toàn bộ các nước đang phát triển thì các nước kém phát triển nhất hiện chiếm phần không lớn trong tổng số dân cư của các nước này - chỉ hơn 17% một chút.

Các số liệu dẫn ra ở trên về các tốc độ tăng trưởng chưa từng thấy của các nước hàng đầu phương Đông không có nghĩa là tất cả hoặc phần nhiều các vấn đề phát triển kinh tế và xã hội của họ đã được giải quyết. Không nói đến nhóm các nước nghèo nhất, ngay chính các nước phát triển hàng đầu cũng chưa giải quyết được một trong những vấn đề gay gắt nhất trong đời sống nhân dân - đó là vấn đề nghèo đói. Một phần đáng kể nhân dân của chính các nước Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á vẫn đang tiếp tục sống dưới mức nghèo khổ. Đồng thời, vẫn còn nhiều mâu thuẫn về xã hội, tôn giáo, sắc tộc và chúng không cho phép nói tới sự khắc phục tất cả các rào cản trên con đường đạt tới tiến bộ về kinh tế và xã hội của các nước này. Tuy nhiên, rõ ràng là, những gì đã đạt được cho phép họ vươn lên trình độ phát triển mới và mở ra những triển vọng mới cho các nước này. Về mặt kinh tế và công nghệ, họ đã gia nhập nhóm các quốc gia có các công nghệ thông tin - liên lạc phát triển tầm cỡ thế giới, còn ở Ấn Độ và Trung Quốc, các tổ hợp nguyên tử - công nghiệp và vũ trụ đã được thành lập và đang hoạt động một cách thành công.

Không có gì là ngạc nhiên khi cùng với điều đó, sự nhận thức mặt lý luận về những quá trình đang diễn ra cũng trở nên ngày càng cấp thiết, bởi vì nhiều luận thuyết về những vấn đề của các nước "thế giới thứ ba" đã hoặc đang trôi vào dĩ vãng cùng với trình độ lạc hậu trước kia. Hiện nay, có thể nêu ra không dưới 10 tên tác giả khác nhau đã từng viết về chủ đề này trong những thời gian khác nhau. Chỉ cần nêu tên của G. Murdal W.A. Luis và nhiều tác giả khác mà các công trình của họ trước đây đã từng là tâm điểm chú ý của các nhà nghiên cứu thế hệ trước là đủ thấy điều đó. Đồng thời, các luận thuyết này nổi bật bởi một đặc điểm chung và đặc điểm này làm cho chúng vẫn còn giá trị sử dụng cho các công trình nghiên cứu thời nay: các luận thuyết đó đã được xây dựng chỉ cho các nước đang phát triển trên một bình diện nhất định với tính cách là một đối tượng nghiên cứu riêng biệt, độc lập, có các đặc điểm đặc thù riêng của mình và do đó, có các nhiệm vụ phát triển riêng của mình.

Nếu chúng ta cố gắng có một sự chọn lọc nào đó các lý luận hiện đại hay nói đúng hơn, chú ý tìm kiếm các sơ đồ lý luận về sự phát triển hiện đại, thì sẽ thấy rằng, vốn đã là một phần trong tiến trình chung của những thay đổi đang diễn ra, các nước đang phát triển thời nay gắn liền với sự tìm kiếm đó. Họ tham dự bằng cách này hay cách khác vào các phân tích chung của các nước này về những thay đổi đó.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:

VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC

Điện thoại: 04 62827862;

E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

CHÂU Á VỀ LẠI BẢN ĐỒ PHÁT TRIỂN*

GS. JOERGEN OERSTROEM MOELLER

Trường Đại học Quản lý Singapore và Copenhagen Business School

Cán cân quyền lực kinh tế, nếu không nói là chính trị, đang dịch chuyển từ Tây sang Đông. Một nhà ngoại giao kiêm học giả cho rằng, nếu châu Á trỗi dậy trước những thách thức mà sự chuyển dịch sức mạnh này mang lại, nó sẽ không phải cạnh tranh với những giá trị mang tính hủy hoại và thực dụng hơn của xã hội công nghiệp hóa.

Trong 30 năm qua, các cơ hội hiếm có để tăng trưởng kinh tế cao và liên tục đã đến với châu Á và các nhà hoạch định chính sách đón nhận triệt để những cơ hội này. Tăng trưởng toàn cầu cao, giá cả hàng hóa thấp, và Trung Quốc trở thành nhà sản xuất hàng đầu thế giới nhờ lực lượng lao động đang tăng lên. Trong khi đó, không có nhiều sức ép để phải lưu ý tới những cảnh báo về môi trường. Thách thức chính sách đối với các nhà lãnh đạo chính trị châu Á chủ yếu là quản lý tăng trưởng kinh tế.

Tất cả điều đó đang thay đổi. Tăng trưởng toàn cầu đang chậm lại, giá cả hàng hóa được dự đoán tiếp tục tăng và các nguồn cung dầu mỏ đang giảm. Các nguồn năng lượng thay thế rất sẵn nhưng phụ thuộc vào giá cả. Bắt đầu từ năm 2015, lực lượng lao động ở Trung Quốc sẽ thu hẹp nhưng lại tiếp tục tăng lên ở Nam Á. Các vấn đề về môi trường đòi hỏi phải có thêm nhiều

nguồn lực và nước Mỹ có thể không còn được xem như một cường quốc ổn định. Thực tế, nguy cơ từ những căng thẳng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đang đẩy cỗ máy tăng trưởng và thương mại Thái Bình Dương vào tình trạng rắc rối. Bởi vậy, việc tạo ra các điều kiện cho tăng trưởng kinh tế trở thành một thách thức chính sách - và đó là một tình huống hoàn toàn mới.

Châu Á không thể làm gì khi thiếu tăng trưởng kinh tế. Trong vài thập kỷ trước đó, một phần lớn dân số đã trở nên quen với mức sống tăng lên gần như thường xuyên, vốn được xem là một loại quyền theo lệ định. Nhiều chế độ chính trị nhận thấy rằng tính chính thống của họ trong cách nhìn nhận của người dân nước họ phụ thuộc vào sự thịnh vượng không ngừng tăng lên. Nhưng thành phần nhân khẩu học đang thay đổi, với ngày càng có nhiều người cao tuổi đòi hỏi thêm chế độ phúc lợi, lương hưu cao hơn, chăm sóc y tế tốt hơn. Các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng là cần thiết, nhưng lại hoàn toàn không có ở Nam Á, khu vực được dự tính sẽ thay thế Trung Quốc trở thành 'xưởng sản xuất' sử dụng nhiều lao động với chi phí thấp tiếp theo. Trong khi đó, đầu tư cho nghiên cứu và công nghệ đang trở nên tốn kém hơn khi châu Á chuyển từ bắt kịp phương Tây sang tìm kiếm những đột phá mới - một công

* Tạp chí The Futurist (Mỹ), tháng 9 và 10-2010.

việc tốn kém và nhọc nhằn hơn so với việc chỉ đơn thuần là cải tiến công nghệ hiện có.

Các nguyên tắc cơ bản yếu hơn sẽ buộc châu Á phải tìm kiếm một mô hình tăng trưởng khác thay cho mô hình tiêu thụ đại trà của nước Mỹ và châu Âu. Nếu mô hình này thành công thì sẽ dẫn đến sự bùng nổ của các xã hội châu Á khi các nguồn tài nguyên thiên nhiên không còn sẵn có nữa. Mô hình tiêu thụ đại trà cho vài trăm triệu dân ở phương Tây không thể mở rộng cho khoảng 1 đến 2 tỷ người được, cần phải tìm ra một giải pháp, và đó chính là nhận thức về tăng trưởng kinh tế, điều sẽ giúp người dân cảm thấy mức sống của họ đang được cải thiện.

Trong vòng 200 năm qua, thế giới đã sống và sống tốt với những gì có thể được gọi là chủ nghĩa tư bản kiểu Mỹ, mô hình phát huy ưu thế tối đa trong thế kỷ XX. Đây là sự kết hợp giữa các yếu tố kinh tế và chính trị ‘ăn khớp’ với nhau một cách tuyệt vời. Châm ngôn của Adam Smith, rằng việc mưu cầu thịnh vượng của các cá nhân hợp lại thành sự phồn thịnh cao hơn của toàn xã hội, bởi sự phồn thịnh của xã hội là quá trình tích lũy thịnh vượng của các cá nhân, đã được chứng minh là rất đúng.

Việc dễ dàng tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên tạo ấn tượng rằng chúng là vô hạn. Giao thông vận tải mở ra các thị trường mới, cho phép tiếp cận các nguyên liệu thô mà cho đến nay vẫn nằm ngoài tầm với. Công nghệ giúp nâng cao năng suất, giữ lạm phát trong tầm kiểm soát. Tăng dân số thúc đẩy nền kinh tế. Mô hình quốc gia-dân tộc (nation-state) có vai trò như khuôn khổ và cơ chế chính trị cho việc phân phối và như cơ sở hạ tầng hành chính cho tăng trưởng công nghiệp.

Châu Á chấp nhận thế giới quan này ở đỉnh cao uy thế của nó trong suốt nửa sau thế kỷ XX. Sự vươn lên của các nền kinh tế châu Á chủ yếu dựa vào việc sử dụng mô hình phương Tây này như một kim chỉ nam hướng tới tăng trưởng.

Không gì ấn tượng hơn sự nhảy vọt của châu Á trong hệ thống kinh tế chính trị toàn cầu được hình thành sau năm 1945. Hệ thống này không thực sự mang tính toàn cầu, mà là một cơ cấu mang tính thể chế được vạch ra để thúc đẩy ưu thế vượt trội của Mỹ và bảo đảm những lợi ích của Mỹ trên toàn cầu. Hệ thống này hoạt động bởi mô hình nước Mỹ được cho là hấp dẫn và, trong cách nhìn nhận của đại đa số, đã tự chứng minh cho chính nó. Không có gì lạ rằng sự “đồng thuận Washington” gắn với mô hình kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ đã được hình thành vào cuối thế kỷ XX và được hai thể chế kinh tế toàn cầu hàng đầu là Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) chấp nhận.

Hiện nay, khi châu Á đang dần trở thành tổ chức quyền lực về kinh tế mang tính toàn cầu, người ta bắt đầu nhận ra rằng, mô hình này đã và đang là một mô hình phương Tây, phù hợp với châu Âu và Hoa Kỳ, nhưng không có khả năng duy trì sự phát triển toàn cầu. Châu Á đã đạt được nhiều thành tựu bằng cách ganh đua với mô hình ấy và vay mượn các nguyên tắc của nó. Tuy nhiên hiện nay, cần phải giải quyết những thách thức ghê gớm không hề ghi lại.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

TRUNG QUỐC CÓ THỂ LÀM THAY ĐỔI SỰ PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ NHƯ CHÚNG TA NHẬN BIẾT VỀ NÓ KHÔNG?*

ARJAN DE HAAN

● **Tóm tắt:** Những biến đổi thần kỳ của Trung Quốc trong hơn 30 năm qua có hàm ý gì đối với các nghiên cứu và thực tiễn phát triển Trung Quốc đã nâng lên con số kỷ lục những người thoát khỏi đói nghèo, và có mức tăng trưởng kinh tế được duy trì liên tục gần tới 10% mỗi năm, dấu rằng với những cái giá phải trả thực sự về mặt môi trường và xã hội. Trung Quốc có vẻ đang triển khai những phản ứng có hiệu quả đối với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, và đúng là vai trò toàn cầu của Trung Quốc gần đây được xem là đã được nâng lên rất cao. Điều đó đang tạo nên những biến đổi này ở các thiết chế vốn tiếp tục gây ngạc nhiên cho các quan sát viên quốc tế, trong khi các chuyên gia Trung Quốc thường chỉ đơn thuần nhấn mạnh đến tính chất thực tiễn của những cải cách hậu 1978 của nước này. “Sự nổi lên của Trung Quốc”, do đó, đang thách thức các cách nhìn nhận và các thực tiễn của chúng ta trong phát triển quốc tế. Trong khi kinh nghiệm của Trung Quốc phần lớn vẫn nằm bên ngoài cuộc tranh luận chủ yếu về phát triển, thì số lượng ngày càng tăng các nghiên cứu và bài viết bắt đầu kết nối những bài học từ con đường phát triển của Trung Quốc với giới nghiên cứu phát triển quốc tế, và đặc biệt là với châu Phi. Bài viết này xem xét các cách giải thích khác nhau về những bài học này cũng như là về quá trình học hỏi - một việc mà ở mức độ nào đó rõ ràng đã được vạch sẵn. Bài viết cũng thảo luận hơn nữa về vai trò kinh tế và chính trị toàn cầu của Trung Quốc, và về vị thế của sự viện trợ của Trung Quốc như là “sức mạnh mềm” bên trong các cơ cấu toàn cầu mới. Những xu hướng mới này cho thấy cần thiết phải suy ngẫm xem chúng ta hiểu như thế nào về phát triển và toàn cầu hóa. Để làm được như vậy chúng ta cần có sự hiểu biết chung tốt hơn và đặc biệt là hiểu kỹ hơn về việc làm thế nào và tại sao Trung Quốc lại đạt được điều mà nước này đã làm được trong hơn 30 năm qua, và về những thách thức vẫn còn đó của đất nước này. Bài viết này là một cố gắng khiêm tốn nhằm xúc tiến sự hiểu biết chung này.

Lời nói đầu

Tôi không tự coi mình là một chuyên gia

về Trung Quốc. Mặc dù tôi biết sẽ là không khôn ngoan khi bắt đầu bất kỳ bài diễn thuyết

* www.iss.nl (Hà Lan), số 475, tháng 6-2009.

nào bằng sự biện bạch, song tôi cho rằng rất cần thiết làm rõ điều này. Không như gia đình tôi, sau 3 năm, tôi đã thất bại thảm hại khi cố gắng nắm vững những khái niệm cơ bản của tiếng Trung. Đó phần lớn là những tài liệu về Trung Quốc mà tôi cần phải nghiên cứu. Trong lúc tôi hy vọng sẽ thực hiện được đôi chút việc này vào năm tới, thì bài viết này vẫn chưa được thực hiện bởi kiến thức hiểu biết của tôi về Trung Quốc.

Tuy nhiên, những người bạn tốt nói với tôi rằng tôi cũng có thể ngừng tuyên bố mình không phải là chuyên gia về Trung Quốc nữa, hoặc là tôi có thể lãng phí trí tuệ của mình và sự rộng lượng của các đồng nghiệp và bạn bè của tôi trong thời gian tôi ở lại Trung Quốc. Bài viết này quả thực sẽ đưa ra một số phát biểu rõ ràng về “Trung Quốc”, và tôi không muốn bào chữa cho việc này bằng cách viện đến việc là: đây chỉ là một bài viết có thể chấp nhận được (đó là điều đương nhiên, và tôi hy vọng là có những bình luận). Lý lẽ bào chữa cho bài viết này là niềm tin mà tôi đã thể hiện rõ trong hơn ba năm qua rằng, lĩnh vực nghiên cứu phát triển (như tôi biết) cung cấp không đầy đủ thông tin về kinh nghiệm của Trung Quốc trong những thập kỷ qua. Đây không phải là sự phê bình hay chỉ trích, mà trên thực tế nó khiến người ta quan tâm nhiều hơn nữa nhằm cố hiểu được lý do dẫn tới sự ít quan tâm tới Trung Quốc, và tại sao và làm thế nào điều này lại thay đổi. Bài viết này là sự đóng góp vào những nỗ lực quan trọng được thực hiện để đảm bảo sự hiểu biết lẫn nhau tốt hơn, để học được bài học từ và cho Trung Quốc, từ và cho châu Phi cũng như với châu Âu.

Vì vậy, tôi chân thành cảm ơn sâu sắc những người bạn và đồng nghiệp tốt về

những tri thức và kinh nghiệm mà bài viết này dựa vào đó: Qiao Jianrong (đã đưa ra những bình luận về bản nháp của bài viết này), Jennifer Holdaway, Sarah Cook, Zhang Xiaobo, Li Xiaoyun, Zhang Xiulan, các đồng nghiệp và bạn bè ở IPRCC, và nhiều người khác. Tôi cảm ơn các nghị sỹ Vương Quốc Anh đã dành thời gian cho tôi trong thời gian họ đến thăm Bắc Kinh và Tứ Xuyên vào tháng 12 năm 2008; sự quan tâm của họ về những bài học từ Trung Quốc cho sự phát triển toàn cầu và kể cả sự thịnh vượng ở Vương Quốc Anh đã truyền cảm hứng mạnh mẽ cho tôi để đặt những suy nghĩ sau đây thành bài viết, ở Viện Nghiên cứu Xã hội (ISS), những tranh luận với Andrew Fischer và Lu Caizhen là vô cùng hữu ích.

Đề dẫn: năm 2008 và xa hơn nữa

Năm 2008 đánh dấu sự thừa nhận vai trò toàn cầu mới của Trung Quốc, và bài viết này sẽ khảo sát những hàm ý của điều này đối với lĩnh vực nghiên cứu phát triển. Năm 2008 tất nhiên là năm tổ chức Olympic, một sự kiện làm thế giới phải kinh ngạc. Trong khi các nhà lãnh đạo và, quả thực, nhiều công dân của Trung Quốc kiên quyết phủ nhận mối liên hệ giữa thể thao và chính trị thì sự kiện Thế vận hội Olympic được tổ chức thành công - tiếp theo tình trạng náo loạn ở Lhasa ('3/14 các cuộc bạo động') và các cuộc biểu tình quốc tế xung quanh việc rước đuốc Olympic - đánh dấu sự thừa nhận của cộng đồng toàn cầu về vai trò của Trung Quốc.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

30 NĂM CẢI CÁCH MỞ CỬA CỦA TRUNG QUỐC*

GS, TS. V.G.GEL'BRAS

Viện các nước châu Á và châu Phi, trường đại học Tổng hợp quốc gia Moskva

Vào tháng 12 năm 1978, Hội nghị toàn thể lần thứ III của uỷ ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XI đã thông qua nghị quyết mở ra thời kỳ “cải cách và mở cửa”. Chính sách mới được thực hiện một cách dần dần trong quá trình tìm kiếm các con đường và hình thức thực hiện nó, nhận thức những thành tựu và hạn chế, khắc phục các vấn đề và những mâu thuẫn xuất hiện trong từng giai đoạn mới khi giải quyết các nhiệm vụ để ra. Cùng một lúc phải thay đổi nhiều quan điểm và phương hướng, đồng thời xác định rõ khái niệm về các quá trình đang diễn ra trong nước và trên thế giới. Trong những năm qua ở Trung Quốc đã diễn ra những thay đổi lớn lao, được đánh giá là những thay đổi “có tính chất lịch sử” ở cả trong nước và quốc tế.

Các thời kỳ đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước

Thời kỳ đầu tiên kéo dài từ năm 1979 đến năm 1984. Thành tựu chính của giai đoạn này là Hội nghị toàn thể đáng ghi nhớ của Uỷ ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tuyên bố kết thúc “cách mạng văn hoá” và chuyển sang giải quyết các vấn đề cấp bách để phát triển đất nước. Nhà cầm quyền đã đảm bảo sự bình thường hoá tình hình trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội sau cuộc “cách mạng văn hoá” mang tính chất

tàn phá, nhưng chưa đề ra được bất cứ một biện pháp cách tân nào, chứ chưa nói gì đến những cải cách có tính chất cách mạng. Sự cụ tuyệt một cách kiên quyết đối với những giáo điều tư tưởng - chính trị của đảng trong thời kỳ “cách mạng văn hoá” cũng được tuyên bố tại hội nghị. Việc phát triển mạnh mẽ các lực lượng sản xuất được xếp vào vị trí trung tâm của hoạt động. Chính sách kinh tế của đảng được suy lý một cách hết sức phù hợp với các tiêu chuẩn truyền thống của nền kinh tế có kế hoạch. Cùng với điều đó, trong bản thông cáo của hội nghị còn chứa đựng những điều dự đoán trước về quy mô và chiều sâu của các cuộc cải cách tiếp theo, “những cuộc cách mạng tương tự”.

Việc xác nhận mục tiêu phát triển chiến lược của đất nước có ý nghĩa lớn lao. Hội nghị yêu cầu, theo tin của hãng thông tấn xã Xinhua ngày 24 tháng 12 năm 1978, “tiếp tục phát huy tình hình chính trị ổn định và đoàn kết nhất trí trong sự đồng lòng, nhanh chóng dốc hết sức lực và năng lượng hoàn thành cuộc vận động vĩ đại mới vì sự biến hoá đất nước chúng ta thành cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại vào cuối thế kỷ này”. Dèn Ciaopin cương quyết hơn: “Vào cuối thế kỷ này chúng ta cần phải đạt được và vượt qua trình độ tiến bộ của thế giới, có nghĩa là trong vòng 22 năm chúng ta phải đi hết con

* Tạp chí Obshchestvennye nauki i sovmenosf (Nga), số 3-2009, tr.109-117.

đường mà các nước khác phải cần đến 40-50 năm và thậm chí dài hơn nữa” (hãng thông tấn xã Xinhua ngày 20 tháng 3 năm 1978).

Cũng trong thời gian đó, trên đất nước đã bắt đầu diễn ra phong trào tự phát của nông dân. Theo số liệu chính thức, khi đó có tới 250 triệu nông dân đói ăn, và có lẽ, một con số không hề nhỏ hơn đó là số người phải sống cuộc sống bữa no bữa đói. Giai cấp nông dân đã đấu tranh đòi xoá bỏ sự phân chia đồng đều thành quả lao động trong phạm vi “công xã” và chuyển sang phân chia đồng đều đất canh tác. Các nhà cầm quyền trong một thời gian dài không thể tán thành với những yêu cầu này. Quả thực là nó trái ngược với những giáo lý Mác - Lênin và hệ tư tưởng của đảng. Tuy nhiên, do tin tưởng vào những kết quả khả quan của những sáng kiến của giai cấp nông dân, vào năm 1984 đảng đã tuyên bố giao khoán ruộng đất cho các hộ nông dân. Các “công xã”, các nhóm “lớn”, “nhỏ” trở nên vô kỷ luật. Do đó, những quan điểm trước kia về “công xã nhân dân” như là một hình thức chuẩn bị sẵn cho sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa cộng sản đã bị quên lãng.

Các tổ chức chính quyền nông thôn Nga được khôi phục. Kết quả là, thay vì cải cách sở hữu ruộng đất thì người nông dân được trao quyền quản lý phần ruộng đất thuê khoán. Chính đất đai ở ngoại thành đã khẳng định quyền sở hữu của “tập thể cư dân nông thôn”. Khái niệm này cho đến tận bây giờ vẫn chưa được cụ thể hoá. Việc bảo vệ quyền sở hữu tập thể đối với đất đai đã tạo điều kiện cho việc công bố thuê khoán một phần của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn thứ 2 kéo dài từ năm 1984 đến năm 1992. Năm 1984 nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế được cụ thể hoá. Cuối thế

kỷ là thời điểm ghi dấu thành tựu GDP của Trung Quốc tăng trưởng gấp 4 lần và đảm bảo cho Trung Quốc có mặt trong thành phần những nền kinh tế hàng đầu thế giới.

Hội nghị toàn thể lần thứ III của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XII đã thông qua nghị quyết về cải cách kinh tế. Việc chuyển sang xây dựng trên đất nước một hệ thống kinh tế thị trường có kế hoạch với phương châm “kế hoạch là chính, thị trường là phụ” cũng được tuyên bố. Trên thực tế người ta đã bắt đầu áp dụng rộng rãi hình thức thuê khoán các mối quan hệ kinh tế trong hệ thống tài chính, trong các mối quan hệ giữa các tổ chức chính quyền và các doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp và các cơ cấu khác thuộc khu vực kinh tế thực tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ được phép cho thuê, trao quyền sở hữu cho tập thể lao động, dựa trên nguyên tắc khoán cho tư nhân.

Quyền hạn của các doanh nghiệp nhà nước được mở rộng. Họ được hưởng những quyền này sau khi hoàn thành kế hoạch sản xuất vượt kế hoạch và tự bán sản phẩm trên thị trường. Hệ thống giá hai cấp được áp dụng: giá nhà nước, giá theo kế hoạch và giá thoả thuận, giá thị trường. Những tiêu chuẩn này làm xuất hiện các mối quan hệ đa dạng giữa các tổ chức chính quyền và các tổ chức lãnh đạo, giữa các nhà sản xuất, các tổ chức bán hàng hoá và người tiêu dùng, nhưng đồng thời nó cũng mở rộng hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đầu cơ tăng lên.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

TRUNG QUỐC ĐANG BIẾN ĐỔI THẾ GIỚI*

ELIZABETH C.ECONOMY

Người đang thay đổi luật chơi

Nhiều thập kỷ sau câu châm ngôn của Đặng Tiểu Bình "ẩn sáng dưỡng tối", (tức là giấu tài, giữ mình khi ở vị trí bất lợi và kiên nhẫn chờ cơ hội để có thể nắm giữ địa vị cao hơn), giới lãnh đạo Trung Quốc đã nhận ra rằng duy trì tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị trong nước sẽ không có nghĩa là cúi đầu mà chính là xử lý tốt các sự kiện bên ngoài biên giới Trung Quốc. Vì vậy, Bắc Kinh đã phát động một chiến lược "du ngoại" nhằm định hình lại các chuẩn mực và thể chế toàn cầu. Trung Quốc đang biến đổi thế giới như thể biến đổi chính mình. Chưa bàn tới những khái niệm về một cố đồng có trách nhiệm, Trung Quốc đã trở thành một cường quốc cách mạng.

Giới lãnh đạo Trung Quốc trong lịch sử cận đại đều tuyên bố không quan tâm tới việc thay đổi thế giới. Tức là ủng hộ thể nguyên trạng hiện có: Trung Quốc giúp thế giới bằng cách tự giúp mình; sự nổi lên một cách hòa bình của Trung Quốc; và chính sách đôi bên cùng thắng. Bắc Kinh đã đăng cai các cuộc đàm phán sáu bên về vấn đề hạt nhân của CHDCND Triều Tiên, họ đã cố tránh các cuộc đàm phán về khả năng Iran trở thành một cường quốc hạt nhân, và nhìn chung không dính líu tới các cuộc xung đột chính trị và quân đội của các nước khác. Tác động của Trung Quốc đối với thế giới, ở nhiều khía

chạm, đều không có sự định trước, mà đó là kết quả của các cuộc cách mạng trong nước. Vì người dân Trung Quốc thay đổi cách sống và cách tiết kiệm, họ đã tác động sâu sắc tới phần còn lại của thế giới. Việc Trung Quốc là nước đóng góp lớn nhất gây ra sự biến đổi khí hậu toàn cầu cũng không phải là có chủ ý, mà là kết quả của mức tăng trưởng ngoạn mục và nhu cầu năng lượng của 1,3 tỷ dân đều dựa vào nhiên liệu hóa thạch.

Tất cả những điều này sẽ thay đổi. Giới lãnh đạo Trung Quốc trước kia đã từng tránh mọi cam kết với thế giới, nhưng giờ đây họ nhận ra rằng để đáp ứng nhu cầu trong nước, cần một chiến lược toàn cầu tích cực hơn. Thúc đẩy một "môi trường quốc tế hòa bình", trong đó nếu phát triển kinh tế mà không can thiệp thô bạo vào công việc ngoại giao của các nước khác là chưa đủ. Để đảm bảo nguồn cung cấp tài nguyên thiên nhiên không chỉ đòi hỏi một lịch trình thương mại và phát triển có tổ chức, mà còn cần một chiến lược quân sự mở rộng. Trung Quốc không còn muốn là người thụ động nhận thông tin từ thế giới bên ngoài; họ muốn uốn nắn thông tin cho có lợi cho mình ở trong nước và bên ngoài. Và vì kinh tế của họ sẽ tăng trưởng mạnh hơn nữa, họ không chỉ muốn nắm giữ một vị trí lớn hơn trong các tổ chức quốc tế mà còn muốn thay đổi luật chơi.

* Tạp chí Foreign Affairs (Mỹ), tháng 11 và 12-2010.

Giới lãnh đạo Trung Quốc đã nhận ra rằng họ đang đứng giữa ngã ba đường và phải vật lộn để chọn hành trình mới của mình. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn China News Service (hãng thông tấn lớn thứ hai Trung Quốc sau Tân Hoa Xã), cựu Đại sứ Trung Quốc tại Liên hợp quốc Wu Jianmin đã cố dung hòa các ngôn từ cũ với thực tế mới: "Dần dần cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay trôi qua... không còn nghi ngờ gì nữa, Trung Quốc sẽ đóng một vai trò có ý nghĩa hơn trong thế giới. Những gì chúng tôi đã làm được mới chỉ là sự bắt đầu". Ông cho biết thêm rằng ý tưởng của Đặng Tiểu Bình "giữ mình chờ thời" sẽ tiếp tục được đánh giá cao trong ít nhất 100 năm nữa. Điều mà thông điệp có vẻ mập mờ trên muốn nói tới là Trung Quốc quyết tâm thay đổi luật chơi.

Lịch trình mới của Trung Quốc đòi hỏi thế giới phải chú ý nhiều hơn đến sự năng động trong nước này và một nỗ lực chính sách ngoại giao phối hợp và tích cực hơn. Thế giới cần đảm bảo rằng Trung Quốc tôn trọng lợi ích của các nước khác khi tìm cách đáp ứng các nhu cầu của mình. Và nếu Mỹ muốn bảo vệ thế bá chủ của mình, hoặc ít nhất duy trì vai trò định ra các chuẩn mực và giá trị điều chỉnh thế giới trong thế kỷ XXI, thì chính sách Trung Quốc của Mỹ sẽ không đơn giản là một phản ứng trước các sáng kiến của Bắc Kinh. Đó sẽ phải là một phần của một chiến lược quốc tế rộng hơn và lâu dài, bắt đầu từ việc Mỹ khẳng định các ưu tiên trong nước. Trước mắt, trong khi Bắc Kinh tìm cách phổ biến cuộc cách mạng của mình ra thế giới, phần còn lại của thế giới cần nhanh chóng hiểu về cuộc cách mạng này và lường trước các tác động.

Cách mạng bên trong

Cuối những năm 1970, Đặng Tiểu Bình đã bắt đầu quá trình "cải cách và mở cửa", tiến hành một loạt các cuộc cải cách mà sau ba thập kỷ đã tạo ra một sự thay đổi mang tính cách mạng. Các thể chế kinh tế, các mô hình kết hợp xã hội và các giá trị xã hội của Trung Quốc, ngay cả Đảng Cộng sản, đều đã biến đổi. Cuộc cách mạng của Đặng Tiểu Bình cũng mang đến một trong những câu chuyện về thành công lớn về kinh tế của thế kỷ XX. Trung Quốc hiện đã trở thành nền kinh tế và nước xuất khẩu lớn thứ hai thế giới. Thông qua lĩnh vực xuất khẩu phát triển bùng nổ, lượng vốn đầu tư nước ngoài liên tục tăng, và một đồng tiền được quản lý, ngân hàng trung ương và các thể chế đầu tư của nhà nước Trung Quốc hiện đang nắm giữ lượng dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới. Trong khi đó, hàng trăm triệu người Trung Quốc đã thoát nghèo chỉ trong vài thập kỷ.

Nhưng đối với giới lãnh đạo đương nhiệm ở Trung Quốc, cuộc cách mạng của ông Đặng đã đến mức không phanh lại được. Giờ đây họ phải đối mặt với hậu quả của mức tăng trưởng không giới hạn trong 30 năm qua: tỷ lệ ô nhiễm quá cao và môi trường xuống cấp, tham nhũng lan tràn, thất nghiệp tăng mạnh (từ 9,4% lên tới 20%), mạng lưới an sinh xã hội không hiệu quả, và gia tăng bất cân bằng về thu nhập. Cùng lúc, tất cả các "hồng hộc" xã hội này gây ra hơn 100.000 cuộc biểu tình mỗi năm.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

TRUNG QUỐC: SIÊU CƯỜNG HAY SIÊU PHÁ SẢN?*

GS. IAN BREMMER

Đại học New York

Như thể cuộc khủng hoảng thị trường tài chính toàn cầu, sự suy thoái sâu rộng nhất của nước Mỹ trong vòng 70 năm qua, cuộc khủng hoảng hiện tồn trong khu vực đồng euro và tình hình biến động ở khu vực Trung Đông vẫn chưa đủ tạo thành sự phiền nhiễu cho một thập niên, nên giờ đây tâm trạng bất ổn và lo âu đã lan đến một số thị trường mới nổi hấp dẫn nhất thế giới. Chỉ trong một vài tháng qua, chúng ta đã chứng kiến sự kìm cương đồng tiền của Ấn Độ, những hành động phản kháng mạnh mẽ trên toàn quốc ở Thổ Nhĩ Kỳ và Brazil, các cuộc biểu tình chống chính phủ ở Nga, các cuộc đình công và bạo lực ở Nam Phi, và một sự suy thoái kinh tế đáng lo ngại ở tất cả những nước này.

Làm gia tăng tình trạng bất ổn, giống như tình trạng chém giết và hỗn loạn ở Syria đã nhắc nhở chúng ta, là thực tế không còn tồn tại một quốc gia đơn lẻ hay một liên minh vững bền của những quốc gia vừa thiện chí vừa có năng lực thực thi sự lãnh đạo toàn cầu trước sau như một. Chính quyền Obama và những thành viên của Đảng Cộng hòa không muốn né tránh một cộng đồng người Mỹ mệt mỏi vì chiến tranh bằng cách đổ máu ở Trung Đông hay tiêu tốn tiền của ở

châu Âu. Giới chức châu Âu thực sự bận bịu với khu vực đồng euro. Và mặc dù chính phủ của các thị trường mới nổi đều muốn có một phát ngôn quốc tế có trọng lượng hơn, nhưng họ đều phải đối mặt với quá nhiều thử thách trong nước để đón nhận những trọng trách mới ở nước ngoài. Bơi lội không ai nói hay được về năng lực lãnh đạo, nên các vấn đề quốc tế có nhiều khả năng sẽ biến thành những cuộc khủng hoảng trong những năm sắp tới, và những trận cháy trên thế giới sẽ thiêu đốt lâu hơn và dữ dội hơn.

Trong bối cảnh đó, điểm đặc biệt hơn cả là có rất ít nhiều động từ phía Trung Quốc, nhất là từ khi gã khổng lồ đang vươn dậy này đã trải qua bước chuyển giao quyền lực lãnh đạo duy nhất một lần trong một thập kỷ, qua quá trình tăng trưởng chậm chạp và một phiên tòa có liên quan đến một trong những nhân vật chính trị nổi tiếng nhất đất nước - tất cả chỉ mới vừa diễn ra trong một vài tháng qua. Vì châu Âu và Mỹ - các đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc đều vẫn phải vật lộn đấu tranh để khôi phục vị thế của mình, vì đà tăng trưởng đang bị đình trệ ở hầu khắp mọi nơi trong thế giới đang phát triển đã từng năng động trước kia, cùng với tốc độ biến đổi về kinh tế và xã hội trong bản thân

* Tạp chí The National Interest (Mỹ), tháng 11 và 12-2013.

đất nước Trung Quốc đang dồn hết tốc lực, nên thật dễ để đặt ra nghi ngại phải chăng đây là điểm lạng trước cơn bão của Trung Quốc.

Đừng đánh cược vào điều đó. Hiện tại, Trung Quốc đang bình ổn và có sức bật hơn hình dung của nhiều người, và các nhà lãnh đạo chính trị của Trung Quốc có những công cụ và nguồn lực họ cần để quản lý một nền kinh tế hạ nhiệt và để kiểm chế tình trạng bất ổn vốn có thể bùng phát. Đây là đất nước đã vượt qua cả một chặng đường dài chỉ trong một thời gian rất ngắn. Giờ nó là địa chỉ của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, lớn hơn tất cả các nền kinh tế của các nước cùng thuộc nhóm BRICS cộng lại (gồm Ấn Độ, Nga, Brazil và Nam Phi). Năm 1977, Trung Quốc chỉ chiếm 0,6% tỷ trọng thương mại toàn cầu; nhưng năm 2012, nó đã trở thành quốc gia thương mại lớn nhất thế giới. Ngày nay, 124 quốc gia xem Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của họ, so với Mỹ, con số này chỉ là 76. Trung Quốc được trông đợi sẽ trở thành nhà nhập khẩu năng lượng lớn nhất thế giới vào cuối năm nay, và nó đã trở thành nhà cung cấp bộ phát xạ carbon, thị trường xe hơi và thị trường điện thoại thông minh hàng đầu. Hiện có khoảng 600 triệu người dân Trung Quốc đang online. Tất cả sự thành công đó đã dành cho giới lãnh đạo Trung Quốc sự tín nhiệm quan trọng từ người dân của đất nước này.

Trên thực tế, việc Trung Quốc đã tránh xa tình trạng bất ổn và nhiều biến động đang gây tai họa cho nhiều quốc gia khác nhau trong giai đoạn hiện nay là một tin tốt cho những quốc gia phụ thuộc vào sức mạnh của Trung Quốc để bình ổn nền kinh tế của bản thân họ, nhưng cũng là tin xấu cho những nước vốn hy vọng giới lãnh đạo Trung Quốc

sẽ sớm phải bắt đầu thừa nhận những quan điểm mới hướng đến nền chính trị toàn cầu và chủ nghĩa tư bản định hướng thị trường. Những người ngoài cuộc, đặc biệt là người Mỹ, đã kêu gọi Trung Quốc trở thành một “cổ đông có trách nhiệm” trong hệ thống quốc tế và lớn tiếng yêu cầu rằng, khi nền kinh tế phụ thuộc ngày càng nhiều vào nguồn lực đầu tư ở các quốc gia và các công ty ở mọi khu vực trên thế giới, Trung Quốc sẽ phải bắt đầu hành xử như một đối tác toàn cầu, một đối tác có đặc quyền hòa bình và năng lực dự báo hơn tất cả các đối tác khác. Có rất ít bằng chứng chứng minh điều này đang diễn ra. Bắc Kinh tiếp tục hạn chế sự tham dự vào hầu hết các tranh chấp quốc tế để tính toán các động thái bảo vệ những lợi ích thương mại khác nhau và dành các nỗ lực ngoại giao để đẩy lùi ảnh hưởng của Mỹ và mở rộng ảnh hưởng của mình.

Một số quốc gia cũng bày tỏ hy vọng rằng thể hệ các nhà lãnh đạo mới của Trung Quốc sẽ khởi động một nỗ lực kiểu Gorbachev để mở ngỏ các hoạt động chính trị trong nước. Nhưng điều đó có lẽ cũng khó xảy ra. Mặc dù một số quan chức cao cấp Trung Quốc còn quá trẻ để ghi nhớ tình trạng hỗn loạn đầy bạo lực của cuộc Cách mạng văn hóa những năm 1960 và 1970, nhưng họ lại nhớ rất rõ về những cuộc cải cách mà Gorbachev dành cho Liên bang Xô viết trong những năm 1980 và thời kỳ đầu những năm 1990 - và cho chính bản thân Gorbachev.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

NGƯỜI CHĂM: HẬU DUỆ CỦA NHỮNG NGƯỜI THỐNG LĨNH BIỂN ĐÔNG THỜI XƯA NHÌN NHẬN CUỘC TRANH CHẤP HẢI PHẬN TỪ NGOẠI BIÊN*

ADAM BRAY

Những căng thẳng ở biển Đông lại được khơi ngòi hồi tháng trước, khi Trung Quốc hạ đặt một thiết bị khoan dò dầu khí thuộc sở hữu của chính phủ ở khu vực cũng được Việt Nam tuyên bố chủ quyền phía chính Nam quần đảo Hoàng Sa.

Những người phản đối Trung Quốc đã đốt phá các nhà xưởng của Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc ở miền Nam Việt Nam. Theo các tin tức truyền thông, có tới 21 người đã thiệt mạng trong tình trạng hỗn loạn, và hơn 100 người đã bị thương. Hàng ngàn công nhân Trung Quốc đã bỏ chạy khỏi Việt Nam.

Đang ở trong tình trạng tranh chấp là các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, hầu hết đều không có người ở, và một khu vực trung tâm của biển Đông, nơi diễn ra những yêu sách chông chéo của Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan, Malaysia, Brunei, và Philippines.

Nhưng cuộc tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc đang giành được sự quan tâm lớn nhất, cả hai đều viện đến những mối nối lịch sử liên quan đến các hòn đảo, đến bản đồ của Trung Quốc thời nhà Hán (từ năm 206 trước Công nguyên đến năm 220 sau Công nguyên) để chứng minh cho những yêu sách của mình trong khu vực.

Trong khi đó, ở Việt Nam, khoảng 160.000 cư dân của dân tộc thiểu số người Chăm có các vị tổ tiên đã thông chế biển Đông hơn một thiên niên kỷ, đang yên bình ở ngoại biên cuộc xung đột ngày càng leo thang.

Hai thế kỷ sau khi quyền lực vốn suy yếu phải cáo vong một cách tàn khốc trong tay vua Minh Mạng của người Việt, người Chăm vẫn thận trọng trong việc tham gia vào những cuộc tranh chấp như vậy, kiểu tranh chấp hiện thời là một lời nhắc nhở về ý nghĩa quan trọng mang tính biểu trưng và sinh lợi của biển Đông và của nền văn hóa Chăm đã từng được làm giàu bởi hoạt động thương mại diễn ra nơi đây.

Các tiểu Vương quốc Chăm-pa

Trong nhiều thế kỷ qua, biển Đông đã được các nhà hàng hải trên khắp Á châu biết đến với tư cách là biển Chăm-pa, tên gọi của một vương triều hùng mạnh đã thống lĩnh toàn bộ miền Trung Việt Nam, từ biên giới phía Bắc của tỉnh Quảng Bình ngày nay ước đến biên giới phía Nam của tỉnh Bình Thuận.

Ở thời kỳ cực thịnh của Vương triều Chăm-pa, từ khoảng thế kỷ thứ VI đến thế kỷ XV, các tiểu vương quốc khác nhau đều do các gia đình hoàng tộc trong khu vực làm

* Tạp chí National Geographic (Mỹ), ngày 16-06-2014.

chủ, cũng bao gồm những địa khu rộng lớn ở phía Đông hai nước Lào và Campuchia.

Những đồ tạo tác cổ xưa nhất của nền văn minh riêng sắc Chăm-pa - nền gạch, cột trụ sa thạch và đồ gốm được tìm thấy ở Trà Kiệu thuộc tỉnh Quảng Nam - đều có niên đại thế kỷ thứ hai sau Công nguyên.

Di sản Chăm-pa đáng chú ý có các ngôi đền xây bằng gạch nung đỏ, hoặc các tháp Chăm, đền tháp cổ nhất được tìm thấy có niên đại từ thế kỷ VII và thế kỷ VIII. Thánh địa Mỹ Sơn, gần Hội An, được UNESCO bảo tồn với tính cách là một khu di sản thế giới, có gần 70 công trình kiến trúc độc đáo.

Các nhà khảo cổ học đã nhận diện nhiều khu cấm thành và khoảng 25 khu đền của người Chăm (mỗi khu đều có số lượng tháp khác nhau) vẫn còn nguyên hình thể dọc theo bờ biển Việt Nam. Những cuộc khảo sát gần đây cho biết, hàng trăm khu phế tích có lẽ đang tạo thành những mạch dòng hướng vào khu vực Tây Nguyên và vượt xa hơn đến phía Đông hai nước Lào và Campuchia.

Những gốc rễ thâm sâu

Người ta cho rằng, tổ tiên của người Chăm sử dụng ngữ hệ Malayo- Polynesian đã đến Việt Nam bằng đường biển từ đảo Borneo. Hầu hết các học giả đều tin tưởng người Chăm là thế hệ nối dõi của cư dân văn hóa Sa Huỳnh, những người đã cư ngụ ở miền đất cùng tên từ khoảng năm 1.000 trước Công nguyên đến thế kỷ thứ hai sau Công nguyên, khi văn hóa Chăm bắt đầu đạt tới thời kỳ hưng thịnh nhất.

Các chứng tích Sa Huỳnh đã được tìm thấy ở xa phía Đài Loan, Philippines và Malaysia, chứng tỏ con người đã đi thuyền, giao thương, và định cư ở xung quanh khu vực sau này là biển Chăm-pa.

Cư dân văn hóa Sa Huỳnh đã làm đẹp cho cái chết của họ bằng đá mã não, đá carnelian và những chuỗi cườm thủy tinh xuất xứ từ Ấn Độ và Iran, cũng như vàng hiếm và những chuỗi cườm thủy tinh xuất xứ từ Địa Trung Hải - tất cả đều có thể giao thương bằng đường biển - và đều được chôn theo người chết trong những chum đất sét cỡ lớn.

Những chiếc khuyên tai để chôn theo người chết được tạo hình công phu gồm có một kiểu khuyên với một móc treo và hai đầu thú có sừng ở hai bên. Những chiếc khuyên tai thường được làm bằng thủy tinh, đá quý, hoặc ngọc bích xuất xứ từ Đài Loan.

Những cuộc khai quật gần đây đã phát lộ nhiều dấu tích các khu mộ táng của văn hóa Sa Huỳnh (và các di vật của người Chăm) không chỉ ở vùng đất liền và các đảo ngoài khơi Việt Nam như đảo Phú Quý, mà còn ở các đảo Nam Yết và Trường Sa - địa khu số 0 của khu vực tranh chấp ngày nay.

Tầm ảnh hưởng của Vương quốc Chăm-pa

Người Chăm sở hữu một mạng lưới giao thương khổng lồ, với lộ trình mở rộng từ phía Đông Bắc tới Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản, từ phía Nam tới Malaysia và Indonesia. Của cải của họ - vàng bạc, đá quý, gia vị, trầm hương, động vật quý hiếm, và nô lệ - tất cả đều có tiếng trên mọi nẻo đường dẫn tới Ấn Độ, Trung Đông, và thậm chí là những vùng miền xa xôi nhất ở Bắc Phi. Trong suốt thời kỳ vàng son của Vương quốc Chăm-pa, một nhà địa lý học người Hồi đã ghi nhận:

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:

VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC

Điện thoại: 04 62827862;

E-mail: ttkh.hcma@gmail.com

CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG: ẤN ĐỘ SO VỚI TRUNG QUỐC*

AMARTYA SEN

Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế vững chắc của Ấn Độ mới rồi khoảng 8%/năm (năm nay triển vọng sẽ đạt 9%) và có nhiều suy đoán liệu Ấn Độ có thể hoặc đến bao giờ mới đuổi kịp và vượt qua tỷ lệ tăng trưởng trên 10% của Trung Quốc. Mặc dù, chủ đề này làm cho Ấn Độ và nhiều nước rất hào hứng song nếu chỉ đơn thuần quan tâm đến việc Ấn Độ vượt tỷ lệ tăng trưởng GDP của Trung Quốc mà không so sánh giữa Ấn Độ với Trung Quốc trên các mặt khác như giáo dục, y tế căn bản hoặc tuổi thọ chẳng hạn, thì chắc chắn đó là một điều khờ khạo. Tăng trưởng kinh tế dĩ nhiên sẽ giúp ích nhiều cho việc nâng cao mức sống và chống đói nghèo. Nhưng không có lý do gì để lấy tăng trưởng GDP làm mục đích tự thân của nó mà chỉ nên coi nó là một phương tiện quan trọng để thực hiện những mục tiêu mình coi là có giá trị.

Tuy nhiên, người ta cũng có thể đặt ra câu hỏi rằng tại sao phải tách bạch ra như vậy bởi vì tăng trưởng kinh tế rõ ràng sẽ tăng khả năng nâng cao mức sống của chúng ta. Điểm then chốt phải đưa ra để đánh giá ở đây là tuy tăng trưởng quan trọng đối với việc nâng cao điều kiện sống, song phạm vi và ảnh hưởng của nó lại phụ thuộc rất lớn vào việc chúng ta sẽ làm gì với khoản thu nhập gia tăng đó. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với

nâng cao mức sống phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm sự bất bình đẳng về kinh tế cũng như xã hội và không kém phần quan trọng, nó còn phụ thuộc vào việc chính phủ sẽ làm gì với khoản thu nhập công do tăng trưởng kinh tế tạo ra.

Một số thống kê về Trung Quốc và Ấn Độ, chủ yếu theo tài liệu của Ngân hàng Thế giới và Liên Hợp Quốc, đưa ra tại đây rất phù hợp. Kỳ vọng sống khi sinh ở Trung Quốc là 73,5 năm, ở Ấn Độ là 64,4 năm, tỷ lệ trẻ tử vong ở Ấn Độ là 50/1.000 so với Trung Quốc chỉ ở mức 17/1.000. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi là 66/1.000 đối với trẻ em Ấn Độ và 19/1.000 đối với trẻ em Trung Quốc; tỷ lệ tử vong mẹ là 230/100.000 tỷ lệ sinh con sống ở Ấn Độ và 38/100.000 ở Trung Quốc. Tuổi trung bình đến trường ở Ấn Độ ước tính là 4,4 tuổi so với Trung Quốc là 7,5. Tỷ lệ người lớn biết chữ ở Trung Quốc là 94% so với Ấn Độ là 74% theo bảng thống kê sơ bộ điều tra dân số năm 2011.

Ấn Độ nhờ có những cố gắng cải tiến giáo dục đối với học sinh nữ nên tỷ lệ phụ nữ biết chữ thuộc lứa tuổi từ 15 đến 24 tăng khá rõ song chỉ mới vượt hơn 80% chút ít, trong khi đó ở Trung Quốc tỷ lệ đạt được đã là 99%. Một trong những điểm yếu nghiêm trọng nhất của Ấn Độ là tỉ lệ rất đáng kể trẻ em bị

* Tạp chí The New York Review of Book (Mỹ), ngày 12-5-2011.

suy dinh dưỡng ở các mức độ khác nhau, tùy theo tiêu chí được áp dụng, tỉ lệ đó có thể lên tới xấp xỉ một nửa tổng số trẻ em, so với một tỉ lệ tương ứng rất nhỏ ở Trung Quốc. Chỉ có 66% trẻ em Ấn Độ được tiêm phòng vắc-xin tam giá (bạch hầu, ho gà và uốn ván) đối lại tỉ lệ 97% ở Trung Quốc.

So sánh Ấn Độ với Trung Quốc theo các tiêu chí trên đây sẽ rất có ích cho việc thảo luận chính sách của Ấn Độ hơn là giới hạn so sánh chỉ dựa trên tỷ lệ tăng trưởng GNP. Còn đối với những ai lo cho sự tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ rồi ra sẽ gặp khó khăn, nếu như nó quan tâm nhiều hơn tới các “mục tiêu xã hội” như giáo dục và y tế chẳng hạn, thì họ nên cân nhắc một cách thận trọng hơn để thấy rằng dẫu chúng ta bỏ qua không tính đến những hoạt động và thành tựu về mặt “xã hội” đó thì tỷ lệ tăng trưởng GNP của Trung Quốc hiển nhiên vẫn cao hơn rõ rệt so với Ấn Độ.

GNP cao hơn đã giúp Trung Quốc giảm được nhiều chỉ số nghèo khó, đồng thời giúp phát triển thêm được nhiều đặc tính khác nhau về mặt chất lượng cuộc sống. Ấn Độ cũng đã có đầy đủ lý do và ý muốn khích lệ sự tăng trưởng kinh tế bền vững nhằm nâng cao mức sống của ngày hôm nay cũng như trong tương lai (bao gồm việc chăm sóc môi trường nơi chúng ta sống).

Tuy nhiên, GNP/đầu người không phải lúc nào cũng là dự báo chính xác những đặc tính có giá trị của cuộc sống chúng ta, bởi lẽ những đặc tính đó còn phụ thuộc vào nhiều điều khác nữa, bao gồm những việc chúng ta đã làm hoặc chưa làm được. Hãy thử so sánh Ấn Độ với Bangladesh, về thu nhập, Ấn Độ dẫn trước Bangladesh rất xa với GNP tính theo đầu người là 1.170 đôla so với 590 đôla của Bangladesh (tính theo đơn vị sức mua có thể

so sánh được). Và sự chênh lệch này đã mở rộng nhanh chóng do tăng trưởng kinh tế mới đây của Ấn Độ đạt tỷ lệ cao hơn. Dĩ nhiên đó cũng là một điểm mạnh nghiêng về phía Ấn Độ. Trong chỉ số HDI (Chỉ số phát triển con người), sở dĩ Ấn Độ được xếp hạng cao hơn về thực chất so với Bangladesh cũng là nhờ có thành tựu đặc biệt này. Tuy vậy, chúng ta vẫn cần phải xem thêm thế mạnh về thu nhập của Ấn Độ được phản ánh trên các mặt quan trọng khác như thế nào. E rằng câu trả lời sẽ là: không tốt đẹp lắm đâu. Tuổi thọ trung bình ở Bangladesh 66,9 năm so với 64,4 năm ở Ấn Độ. Tỷ lệ trẻ em thiếu cân ở Bangladesh (41,3%) thấp hơn so với Ấn Độ (43,5%) cùng với tỷ lệ sinh sản của quốc gia này (2,3) cũng thấp hơn so với Ấn Độ (2,7). Tuổi trung bình đi học ở Bangladesh là 4,8 tuổi so với Ấn Độ là 4,4 tuổi. Trong khi Ấn Độ dẫn trước Bangladesh về tỷ lệ biết chữ ở nam giới thuộc lứa tuổi từ 15 đến 24 thì nữ giới ở Bangladesh chiếm tỷ lệ cao hơn so với Ấn Độ. Điều lý thú là tỷ lệ biết chữ ở nữ giới thuộc lứa tuổi trẻ của Bangladesh trong thực tế là cao hơn so với nam giới, ở Ấn Độ, nữ giới biết chữ về thực chất chiếm tỷ lệ thấp hơn so với thanh niên nam giới. Có nhiều bằng chứng cho thấy những tiến bộ hiện thời của Bangladesh có liên quan nhiều đến vai trò giải phóng phụ nữ Bangladesh trước đây nay lại bắt đầu nổi lên ở đất nước này. Còn tình hình y tế thì sao? Tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Ấn Độ là 66/1.000 so với 52/1.000 tại Bangladesh.

...

Để có được bản đầy đủ của tài liệu,
xin vui lòng liên hệ:
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC
Điện thoại: 04 62827862;
E-mail: ttkh.hcma@gmail.com